

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thuận Sơn và ông Lê Quang Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2023/TLST- DS, ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST- DS ngày 21/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST- DS ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T- Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc; địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, 210 đường T, phường T, quận H, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Quảng Bình;

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; chức vụ: Chuyên viên khách hàng; địa chỉ: 134 H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình (văn bản ủy quyền ngày 18/5/2023) có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn U, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2023, bản tự khai ngày 21/7/2023 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Quảng Bình bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 16/3/2018, bà Lê Thị S đã ký với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Quảng Bình đã ký hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HĐTĐ4512018115 để vay số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); mục đích vay: mua sắm nội thất gia đình; thời hạn vay 36 tháng được tính từ ngày 17/3/2018 cho đến hết ngày 16/3/2021; lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/ năm

Quá trình vay vốn bà Lê Thị S đã thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc là 18.480.000 đồng và tiền lãi hàng tháng. Từ tháng 02 năm 2020, do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của bà S đã bị chuyển nợ quá hạn. Từ đó cho đến nay, bà S không thực hiện trả toàn bộ phần nợ gốc và lãi quá hạn của khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng bưu điện L. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không hợp tác với Ngân hàng, trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Vì vậy Ngân hàng TMCP Bưu điện L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị S trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 21/7/2023, tổng dư nợ tạm tính của bà S tại ngân hàng TMCP Bưu điện L là 19.366.675 đồng. Trong đó: dư nợ gốc 11.520.000 đồng; lãi trong hạn: 2.833.899 đồng; tổng lãi chậm trả gốc: 4.027.900 đồng; tổng lãi chậm trả lãi: 984.876 đồng. Để đảm bảo việc thu hồi vốn, Ngân hàng TMCP Bưu điện L buộc bà S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Quảng Bình và bà Lê Thị S cho đến ngày bà S trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L, Chi nhánh Quảng Bình.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP bưu điện L nộp bảng kê yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị S trả nợ số tiền 19.697.009 đồng (mười chín triệu sáu trăm chín bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng). Trong đó tiền nợ gốc: 11.520.000 đồng; lãi trong hạn: 2.833.899 đồng; lãi chậm trả gốc: 4.293.015 đồng; lãi chậm trả lãi: 1.050.095 đồng tính đến ngày xét xử 29/9/2023. Kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng bà Lê Thị S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số HĐTD4512018115 ngày 16/3/2018.

Đối với bị đơn bà Lê Thị S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã thông báo thụ lý vụ án gửi cho bị đơn kèm giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến các đương sự nhưng bà S đều vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa đến bị đơn hợp lệ nhưng bà S vẫn vắng mặt.

Theo xác nhận của Công an xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình do Ngân hàng TMCP Bưu điện L giao nộp, Công an xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình xác nhận: Bà Lê Thị S, sinh năm 1968; nơi đăng ký HKTT tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay bà Lê Thị S không có mặt tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà Lê Thị S đều vắng mặt, do đó vụ án

không thể tiến hành hòa giải được. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 14/9/2023 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn bà Lê Thị S đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, niêm yết quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng số HĐTD4512018115 ngày 16/3/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà Lê Thị S ở thôn U, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình đã được Ngân hàng TMCP Bưu điện L cho vay tổng số tiền: 30.000.000 đồng; mục đích vay: mua sắm nội thất gia đình; thời hạn vay 36 tháng được tính từ ngày 17/3/2018 cho đến hết ngày 16/3/2021; lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/ năm.

Sau khi ký kết hợp đồng, bà S đã thực hiện một phần của hợp đồng tín dụng, trả nợ gốc và lãi đến ngày tháng 02/2020 được 18.480.000 đồng thì dừng trả nợ gốc và lãi.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Quảng Bình đã đôn đốc, nhắc nhở và làm việc với bà S để yêu cầu trả nợ nhưng bà S vẫn trốn tránh không thực hiện. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512018115 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Quảng Bình với bà Lê Thị S ngày 16/3/2018 đã tuân thủ quy định của pháp luật, do đó đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Bà Lê Thị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho vay tại hợp đồng tín dụng số HĐTD4512018115 ngày 16/3/2018 đã ký kết với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Quảng Bình.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị S trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L, Chi nhánh Quảng Bình với tổng số tiền: 19.697.009 đồng (mười chín triệu sáu trăm chín bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng) trong đó tiền nợ gốc: 11.520.000 đồng; lãi trong hạn: 2.833.899 đồng; lãi chậm trả gốc: 4.293.015 đồng; lãi chậm trả lãi: 1.050.095 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023. Kể tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2023) cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi hàng tháng bà S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512018115 ngày 16/3/2018 là phù hợp với các Điều 357, 463, 466,

468 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản Điều 39, Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Quảng Bình: Buộc bà Lê Thị S phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Quảng Bình tổng số tiền 19.697.009 đồng (mười chín triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng). Trong đó tiền nợ gốc: 11.520.000 đồng; lãi trong hạn: 2.833.899 đồng; lãi chậm trả gốc: 4.293.015 đồng; lãi chậm trả lãi: 1.050.095 đồng.

Kể tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2023) cho đến khi bà Lê Thị S trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng bà Lê Thị S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512018115 ngày 16/3/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị S phải chịu 984.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Quảng Bình số tiền 476.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004660, ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2023); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc ngày niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- UBND xã Xuân Thủy (để biết);
- Lưu HS; Lưu VP.

Nguyễn Thị Thu Hương